

Bản án số: 205/2024/DS-ST  
Ngày: 21/11/2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huyền Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Công Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 310/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị B, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Ông Võ Văn N, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:*

Do có mối quan hệ chị em ruột với bà Phạm Thị Đ nên năm 2017, bà có nhiều lần cho vợ chồng ông Võ Văn N, bà Phạm Thị Đ vay tiền, mỗi lần vài chục triệu đồng, lãi suất 4%/tháng, không có làm giấy tờ. Ban đầu thì ông N không nói mục đích vay để làm gì nhưng sau này khi bà thấy ông N vay nhiều lần, bà hỏi thì ông N nói vay tiền để đưa cho người em ruột của ông N làm ăn. Khi vay tiền, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay. Sau khi vay tiền, ông N, bà Đ đóng lãi được khoảng 03 tháng thì ngưng không đóng nữa. Đến ngày 03/01/2018 (al) (nhằm ngày 18/02/2018 dl) thì bà và ông N ngồi lại chốt số tiền vốn ông N và bà Đ còn nợ là 100.000.000 đồng. Lúc này hai bên cũng không có thỏa thuận gì về thời hạn vay và cũng không nói gì về lãi suất vì trước đó đã thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Ông N có ký tên vào tờ giấy tay nhận nợ. Sau đó, cứ cách vài tháng bà lại đến nhà đòi tiền, ông N và bà Đ chỉ hứa khi nào người em của ông N bán được đất sẽ trả nợ nhưng không nói thời gian cụ thể và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà. Đến trước thời điểm bà khởi kiện khoảng 3 - 4 tháng, bà tiếp tục đến gặp ông N, bà Đ yêu cầu trả nợ nhưng ông N, bà Đ chỉ hứa mà không thực hiện.

Do đó, tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông Võ Văn N và bà Phạm Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà tổng số tiền là 223.200.000 đồng. Trong đó, tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18/02/2018 (dl) đến ngày 18/7/2024 (dl) (77 tháng), lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền là 123.200.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N, bà Đ liên đới trả nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi là 60.000.000 đồng.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn N trình bày:*

Năm 2017, ông nhiều lần vay tiền của bà Phạm Thị B để đưa cho người em ruột của ông làm ăn, mỗi lần khoảng vài chục triệu, lãi suất 4%/tháng. Khi vay tiền, hai bên không có thỏa thuận thời hạn vay. Ông có đóng lãi cho bà B khoảng vài tháng thì do người em của ông làm ăn gặp khó khăn nên không có đóng lãi nữa. Ban đầu ông cũng không nói cho bà B mục đích vay tiền nhưng sau đó thì

ông mới nói cho bà B mục đích vay dùm cho người em của ông. Đến đầu năm 2018, ông và bà B gặp để chốt lại số tiền nợ gốc. Theo đó, ông thừa nhận đến đầu năm 2018 ông có nợ bà B số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Lúc này hai bên cũng không có thỏa thuận gì về thời hạn trả và cũng không có nói gì về lãi suất. Còn biên nhận nợ do bà B cung cấp không phải của ông ký tên. Tuy nhiên, ông vẫn thừa nhận tính đến tháng 02/2018 (dl) thì ông còn nợ bà B tiền gốc là 100.000.000 đồng và không có đóng lãi từ đó đến nay. Năm 2023 thì người em trai của ông mất, hiện ông cũng gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả nợ. Từ năm 2018 thì cứ cách vài tháng, bà B lại đến nhà gặp ông và bà Đ đòi tiền, ông xin trả dần và xin không trả lãi nhưng bà B không đồng ý. Trước thời điểm bà B nộp đơn khởi kiện đến Tòa án khoảng 3 - 4 tháng thì bà B có đến đòi nợ nhưng ông và bà Đ không có tiền trả. Do đó, ông xin trả tiền gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, vì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện nên ông không đồng ý trả lãi. Ông xin trả dần nợ gốc, cách 06 tháng trả 01 lần, trong thời gian 18 tháng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì thêm.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim T - người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ trình bày:*

Bà thừa nhận bà Đ và ông N còn nợ lại bà B số tiền gốc là 100.000.000 đồng từ tháng 02/2028 (dl) đến nay chưa trả. Bà thống nhất với lời trình bày của ông N, đồng ý liên đới cùng ông N trả cho bà B số tiền 100.000.000 đồng, xin trả dần và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận tiền lãi như bà B yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của ông N và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, HĐXX nhận thấy: Các bên đều xác định hợp đồng vay tiền giữa bà B và ông N là hợp đồng không có thời hạn. Tại tòa, các bên cũng xác định bà B đã đòi nợ liên tục từ năm 2018 đến nay. Trước thời điểm bà B khởi kiện

đến Tòa khoảng 3-4 tháng, bà B vẫn đến tìm ông N, bà Đ đề yêu cầu trả nợ nhưng không được. Như vậy, căn cứ theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện của vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn. Do đó, việc ông N và người đại diện theo ủy quyền của bà Đ yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện để không chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà B là không có cơ sở, không được HĐXX chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B về việc yêu cầu bị đơn bà Võ Văn N và bà Phạm Thị Đ trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 03/01/2018 có nội dung bà B cho ông Võ Văn N (8 B1) mượn số tiền 100.000.000 đồng, ở mục người nhận có chữ ký tên của ông Võ Văn N. Ông N không thừa nhận chữ ký tên tại biên nhận nợ do bà B cung cấp nhưng cũng thừa nhận tính đến tháng 2/2018 (dl) thì ông N còn nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng. Ông N đồng ý liên đới cùng bà Đ trả số tiền 100.000.000 đồng nhưng xin trả dần trong thời gian 18 tháng cho đến khi hết nợ. Như vậy, HĐXX xác định ông N, bà Đ còn nợ bà B số tiền 100.000.000 đồng đến nay chưa trả nên việc bà B yêu cầu ông N, bà Đ liên đới trả 100.000.000 đồng là có cơ sở, được HĐXX chấp nhận. Xét việc ông N, bà Đ xin trả dần nợ gốc không được bà B chấp nhận và không phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Đối với số tiền lãi 123.200.000 đồng từ ngày 18/02/2018 (dl) đến ngày 18/7/2024 dl, lãi suất 1,6%/tháng mà bà B yêu cầu trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B đồng ý giảm bớt số tiền lãi, chỉ yêu cầu ông N, bà Đ liên đới trả số tiền lãi là 60.000.000 đồng. Như các bên thừa nhận việc ông N vay tiền của bà B là có lãi suất, ông N thừa nhận từ tháng 02/2018 (dl) đến nay không có đóng lãi cho bà B nên việc bà B yêu cầu ông N, bà Đ liên đới trả lãi cho số tiền 60.000.000 đồng là số tiền sau khi đã bớt dựa trên mức lãi suất 1,6%/tháng mà bà B yêu cầu trong đơn khởi kiện là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Võ Văn N và bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, do ông N, bà Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên ông N và bà Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468, 470, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B. Buộc bị đơn ông Võ Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ liên đới trả cho bà Phạm Thị B số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, nợ lãi là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Võ Văn N và bà Phạm Thị Đ được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Trần Thị Huyền Nhung**